**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐINH THANH HIẾU**

**VĂN CHƯƠNG KHOA CỬ**

**TRONG THI HỘI, THI ĐÌNH TRIỀU NGUYỄN**

Chuyên ngành: Hán Nôm

Mã số: 62 22 01 04

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ HÁN NÔM**

**Hà Nội - 2017**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Trần Ngọc Vương

Phản biện: ……………………………………….

Phản biện: ……………………………………….

Phản biện: ……………………………………….

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia Hà Nội chấm luận án tiến sĩ họp tại …………………………………………. vào hồi giờ ngày tháng năm 20

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC**

**CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

[1] Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì), Đinh Thanh Hiếu, Phùng Minh Hiếu (2010), *Văn sách thi Đình Thăng Long – Hà Nội*, Tập 1, 2, Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.

[2] Đinh Thanh Hiếu (2012), “Lược quan về văn thi Đình triều Nguyễn”, Kỷ yếu Hội thảo *Bốn mươi năm đào tạo và nghiên cứu Hán Nôm tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr 301 – 312.

[3] Trần Ngọc Vương, Đinh Thanh Hiếu (2013), “Động thái hướng tới mô hình Trung Hoa trong nỗ lực hoàn thiện thể chế chính trị - xã hội triều Nguyễn giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX (Khảo sát qua hệ thống đề thi Đình các đời vua Minh Mệnh – Thiệu Trị*)”, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội* (2), tr 34 – 48.

[4] Đinh Thanh Hiếu (2013), “Một số vấn đề thời sự đặt ra trong văn sách thi Đình triều Tự Đức”, *Tạp chí Hán Nôm* (2), tr 60 – 69.

[5] Đinh Thanh Hiếu (2014), “Một số đặc điểm về bút pháp của văn sách Đình đối thời Nguyễn”, *Tạp chí Hán Nôm* (1), tr 30 – 42.

**MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài**

Trong lịch sử khoa cử Việt Nam, triều Nguyễn là một giai đoạn khoa cử Nho học phát triển thịnh đạt, tương đối lâu dài và liên tục. Trong điều kiện tư liệu hiện còn, cũng chỉ có triều Nguyễn là còn lưu trữ được đầy đủ và phong phú nhất hệ thống văn bài thi qua các khoa, với đầy đủ các thể văn khoa cử. Về cơ bản, chế độ thi cử và thể tài văn chương khoa cử triều Nguyễn được kế thừa từ các triều đại trước. Mặt khác, những biến động về chính trị - xã hội nảy sinh dưới triều Nguyễn là chưa từng có trong lịch sử chế độ chuyên chế, nó đã có những tác động lên thể chế và văn chương khoa cử, tạo nên bức tranh đa sắc mầu trong lịch sử văn chương khoa cử Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu văn chương khoa cử triều Nguyễn là một điểm nhìn quan trọng để từ đó có thể xem xét toàn bộ văn chương khoa cử Việt Nam.

Thi Hội và thi Đình là những kỳ thi cấp quốc gia do triều đình chủ trì, tập trung khảo thí các sĩ tử ưu tú nhất trong toàn quốc để chọn lựa học vị đại khoa. Có thể xem hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình là tiêu biểu nhất, thể hiện đầy đủ nhất thể thức của toàn bộ các thể văn khoa cử.

Văn chương khoa cử là loại văn chương mang nhiều tính đặc thù. Các triều đại đã đúc kết, chọn lựa những thể văn dùng trong khoa cử sao cho qua đó thí sinh có thể thể hiện tối đa phẩm chất và năng lực, phù hợp với yêu cầu tuyển chọn bộ máy thừa hành và sử dụng thuận tiện trong khoa trường. Ở thời hiện đại, với góc nhìn có thể không đồng đẳng, văn chương khoa cử thường bị đánh giá là khuôn sáo, gò bó, trống rỗng, ít giá trị, thậm chí bị coi là tiêu biểu cho sự hủ lậu… Văn chương khoa cử thực chất là gì, rèn tập ra sao, tiếp cận bằng cách nào và lấy gì làm tiêu chí để bình giá cho văn chương khoa cử, ý nghĩa và tác dụng của nó trong thể chế khoa cử… là những câu hỏi mà muốn trả lời cần có sự khai thác, dịch thuật và nghiên cứu nghiêm túc. Đó là lý do lựa chọn đề tài “Văn chương khoa cử trong thi Hội, thi Đình triều Nguyễn”.

**2. Mục tiêu khoa học**

Trên cơ sở trực tiếp khảo sát nguồn tư liệu Hán Nôm, luận án nghiên cứu văn chương khoa cử qua hệ thống bài thi trong khoa cử đại khoa (thi Hội, thi Đình) của triều Nguyễn, tập trung làm rõ “tứ trường văn thể” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”) của khoa cử triều Nguyễn, qua đó góp phần nhận chân diện mạo của văn chương khoa cử, đặt trong mối quan hệ với những yêu cầu tuyển dụng quan chức của thể chế chuyên chế.

1. **Đối tượng nghiên cứu và phạm vi tư liệu**

***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu văn chương khoa cử triều Nguyễn qua hệ thống văn bài thi Hội và thi Đình trong khoa thi Tiến sĩ văn của triều Nguyễn hiện còn lưu trữ được.

Trong giới hạn, luận án tập trung chủ yếu vào “tứ trường văn thể” khoa cử truyền thống (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục” trong các khoa thi Hội, thi Đình từ triều Minh Mệnh đến triều Thành Thái). Một số nội dung mới được đưa vào khoa trường trong giai đoạn cải lương khoa cử (1909 – 1919), luận án có đề cập đến để đảm bảo tính tổng thể, nhưng không nằm trong phạm vi nghiên cứu sâu của luận án.

***3.2. Phạm vi tư liệu***

Tư liệu nghiên cứu là hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn hiện còn nằm trong các tuyển tập, hợp tập, hoặc rải rác trong các thi văn tập cá nhân, gia phả…tập trung lưu trữ chủ yếu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Thư viện Quốc gia. Đây là nguồn tư liệu chính để luận án khảo sát, nghiên cứu. Những công trình nghiên cứu, dịch thuật về giáo dục, khoa cử, và rộng ra là về triều Nguyễn, về Nho giáo, về văn học, lịch sử và lịch sử tư tưởng…là những tư liệu tham khảo quan trọng.

Luận án cũng tham khảo các công trình nghiên cứu của Trung Quốc và khu vực về khoa cử, văn thể khoa cử, điển chương chế độ, kể cả văn bài thi trong khoa cử Trung Quốc.

1. **Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Các thao tác của ngữ văn học Hán Nôm; các thao tác mô tả, phân tích, thống kê, định lượng; phương pháp văn bản học; phương pháp nghiên cứu từ chương học; phương pháp so sánh, đối chiếu; phương pháp tiếp cận liên ngành.

1. **Đóng góp mới của luận án**

Luận án đã tổng quan được lịch sử vấn đề nghiên cứu văn chương khoa cử nói chung và văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn nói riêng.

Luận án đã làm rõ về hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn, bao gồm tổng quan tình hình văn bản văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn, đánh giá sơ bộ và bước đầu thống kê trữ lượng văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn hiện còn lưu trữ; khái quát về thể chế và văn thể thi Hội, thi Đình triều Nguyễn, gắn với các tiêu chí tuyển chọn nhân tài.

 Luận án đã cơ bản làm rõ “tứ trường văn thể” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”) trong thi Hội, thi Đình triều Nguyễn với: hệ thống đề thi, thể thức, sự rèn tập thể tài trong giáo dục khoa cử, công dụng của các trường thi đó….qua đó làm rõ các thể tài văn chương khoa cử triều Nguyễn trong mối quan hệ với yêu cầu tuyển chọn quan chức, chuẩn mực kiểm tra – đánh giá…, đặt trong diễn trình văn chương khoa cử Việt Nam và khu vực.

**6. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, luận án có cấu trúc gồm 4 chương:

Chương một: Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan và xác định những lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của luận án.

Chương hai: Hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn.

Chương ba: Trường kinh nghĩa và Trường văn sách.

Chương bốn: Trường thơ phú và Trường “tứ lục”.

**Chương 1**

**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN VÀ XÁC ĐỊNH NHỮNG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CHỦ YẾU CỦA LUẬN ÁN**

* 1. **Tổng quan tình hình nghiên cứu**
		1. ***Những nhận xét, luận bàn về văn chương khoa cử***

Trong lĩnh vực này, nổi bật có hai nhóm ý kiến. Nhóm ý kiến thứ nhất là những nhận xét mang tính phê phán của chính các nhà khoa bảng từ trong lòng chế độ khoa cử vào đầu thế kỷ XX. Nhóm ý kiến thứ hai là những nhận xét của các nhà nghiên cứu vào cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, coi văn chương khoa cử là một bộ phận của văn học, là bộ phận văn chương chính thống của nhà nho. Trong nhóm ý kiến thứ hai, đặc biệt quan trọng là những nhận xét của Trần Đình Hượu về văn chương khoa cử.

***1.1.2. Nghiên cứu chung về văn chương khoa cử***

Gồm các nghiên cứu dưới góc độ thể loại văn học và nghiên cứu chuyên biệt về văn chương khoa cử. Nghiên cứu dưới góc độ thể loại văn học với các công trình như *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính, *Quốc văn cụ thể* của Bùi Kỷ, *Thơ ca Việt Nam – Hình thức và thể loại* của Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức, *Các thể văn chữ Hán Việt Nam* của Trần Thị Kim Anh, Hoàng Hồng Cẩm… Nghiên cứu chuyên biệt về văn chương khoa cử với các công trình có tính mở đầu của Nguyễn Văn Thịnh như luận án phó tiến sĩ *Bước đầu tìm hiểu văn chương khoa cử thời Lê sơ*, chuyên luận *Khoa cử và văn chương khoa cử Việt Nam thời trung đại*…

***1.1.3. Nghiên cứu về văn chương khoa cử triều Nguyễn***

Cho đến nay, chưa có một công trình chuyên biệt nghiên cứu một cách có hệ thống về văn chương khoa cử triều Nguyễn, mà mới chỉ có một số công trình, bài viết, luận văn nghiên cứu có tính chất bước đầu. Thể tài được tập trung nghiên cứu là văn sách Đình đối với luận văn thạc sĩ *Bước đầu tìm hiểu văn sách Đình đối đời Nguyễn* cùng một số công bố khác của Đinh Thanh Hiếu. Ngoài ra thì kinh nghĩa, phú và luận trong khoa cử triều Nguyễn cũng có những nghiên cứu, giới thiệu sơ bộ qua các bài viết, khóa luận của Phùng Minh Hiếu, Đinh Thanh Hiếu, Bùi Anh Chưởng…

***1.1.4. Những sưu tầm, giới thiệu và dịch thuật văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn***

Do những giá trị đặc thù, thể văn khoa cử được lưu tâm giới thiệu, phiên dịch nhiều nhất là văn sách Đình đối. Một số bài được dịch và công bố lẻ tẻ hoặc in chung trong các thi văn tập. Công trình *Văn sách thi Đình Thăng Long – Hà Nội* do Nguyễn Văn Thịnh (chủ trì), Đinh Thanh Hiếu, Phùng Minh Hiếu tham gia biên soạn đã dịch toàn bộ các bài văn sách thi Đình của các nhà khoa bảng là người Hà Nội hiện còn, tổng số văn sách thi Đình triều Nguyễn là 18 bài văn sách của các khoa thi trải suốt dọc lịch sử khoa cử triều Nguyễn từ triều Minh Mệnh đến triều Thành Thái.

***1.1.5. Những nghiên cứu dùng văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn làm tư liệu***

Văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn cũng được sử dụng như một nguồn tư liệu trong một số công trình nghiên cứu về giáo dục, khoa cử, lịch sử và lịch sử tư tưởng…của Trần Văn Giàu, Cao Xuân Huy, Nguyễn Thế Anh, Phạm Thị Kim, Phan Trọng Báu, Lê Thị Thanh Hòa…

***1.1.6. Những nghiên cứu về văn chương khoa cử Việt Nam của người nước ngoài***

Số công trình của người nước ngoài đề cập trực tiếp đến các thể tài văn chương khoa cử Việt Nam không nhiều, chủ yếu có tính chất nghiên cứu so sánh sự ảnh hưởng vào các văn thể khoa cử Việt Nam từ điển tịch và khoa cử Trung Quốc với các công trình của Vương Tam Khánh (Đài Loan), Tôn Phúc Hiên, Lưu Chí Cường, Trần Văn (Trung Quốc).

***1.1.7. Đánh giá tổng quan***

Về văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn, chưa có một công trình nghiên cứu một cách chuyên biệt và có hệ thống trên cơ sở tư liệu gốc là văn bài khoa cử được sưu tầm và được minh giải một cách bao quát, toàn diện, mà chỉ là lẻ tẻ, điểm qua, mang tính chất giới thiệu sơ bộ, nhắc lại hay tập hợp, tổng hợp những luận bàn của người xưa và những công trình đi trước. Do những giá trị đặc thù, văn bài thi được sưu tầm, phiên dịch nhiều nhất là văn sách Đình đối. Văn sách Đình đối triều Nguyễn bước đầu đã được nghiên cứu một cách tương đối tập trung, còn lại các thể văn khác dường như còn để trống, hoặc chỉ có một đôi bài viết lẻ tẻ mang tính chất giới thiệu, sơ bộ. Các nhận xét, đánh giá về văn chương khoa cử chủ yếu mới mang tính chất gợi mở, đặt vấn đề chứ chưa phải là những kết luận được rút ra từ thực tế nghiên cứu trên tư liệu gốc.

**1.2. Xác định những lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu của luận án**

Tinh thần xuyên suốt của luận án là các nghiên cứu phải được triển khai trên cơ sở nguồn tư liệu gốc (các văn bài thi Hội, thi Đình bằng Hán văn) được tập hợp và xử lý một cách hệ thống. Luận án xác định một số lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu sau:

Thứ nhất, khảo sát tổng quan tình hình văn bản văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn, đánh giá sơ bộ, xác định độ tin cậy của nguồn tư liệu nghiên cứu và bước đầu thống kê trữ lượng văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn hiện còn lưu trữ (chủ yếu trong các cơ quan lưu trữ tại Hà Nội).

Thứ hai, làm rõ thể chế và văn thể khoa cử đại khoa triều Nguyễn, bao gồm thi Hội, thi Đình của khoa thi Tiến sĩ. Văn thể khoa cử được xem xét dưới góc nhìn tiêu chí tuyển chọn nhân tài. Văn thể khoa cử đại khoa triều Nguyễn được tổng quan quá trình vận động, diễn tiến, đặt trong diễn trình khoa cử Việt Nam và khu vực.

Thứ ba, nghiên cứu văn chương khoa cử trong thi Hội và thi Đình triều Nguyễn tập trung vào “tứ trường văn thể” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, ‘tứ lục”). Tứ trường văn thể trong khoa cử đại khoa triều Nguyễn thực chất bao quát hầu như tất cả các thể tài văn chương khoa cử trong lịch sử khoa cử Việt Nam cũng như các nước đồng văn Đông Á với tám văn thể: kinh nghĩa, văn sách, thơ, phú, chiếu, chế, biểu, luận. Với văn thể từng trường, luận án nghiên cứu về hệ thống đề thi; thể thức; sự rèn tập thể tài trong giáo dục khoa cử; công dụng của các trường thi đó trong khoa cử….qua đó làm rõ các thể tài văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn trong mối quan hệ với yêu cầu tuyển chọn quan chức, chuẩn mực kiểm tra – đánh giá…, đặt trong diễn trình văn chương khoa cử Việt Nam và khu vực.

Bản chất của văn chương khoa cử là làm văn trong thi cử, có chức năng như một công cụ để kiểm tra đánh giá phẩm chất, kiến thức và năng lực của người dự tuyển nên vấn đề trung tâm là thể thức gắn với các tiêu chí của khảo tuyển. Đó là hướng tập trung chính của luận án.

**Tiểu kết Chương 1**

Tổng quan tình hình nghiên cứu văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn, hiện chưa có công trình nghiên cứu một cách chuyên biệt và có hệ thống trên cơ sở tư liệu gốc là văn bài khoa cử được sưu tầm và được minh giải một cách bao quát, với đầy đủ các thể văn khoa cử.

Luận án xác định sẽ cố gắng sưu tầm tối đa trong điều kiện có thể, trực tiếp khảo sát nguồn tư liệu Hán Nôm hiện còn, tập trung nghiên cứu văn chương khoa cử qua hệ thống bài thi trong khoa cử đại khoa (thi Hội, thi Đình trong khoa thi Tiến sĩ) của triều Nguyễn, để tập trung làm rõ “tứ trường văn thể” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”) của khoa cử triều Nguyễn, qua đó góp phần nhận chân diện mạo của văn chương khoa cử, đặt trong mối quan hệ với những yêu cầu tuyển dụng quan chức của thể chế chuyên chế.

**Chương 2**

**HỆ THỐNG VĂN BÀI THI HỘI, THI ĐÌNH TRIỀU NGUYỄN**

**2.1. Khái quát về tình hình văn bản hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn**

Do thời gian gần và điều kiện hình thành cũng như lưu trữ văn bản có nhiều thuận lợi hơn nên số lượng văn bản văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn còn lại nhiều hơn tất cả các triều đại trước cộng lại, với đầy đủ các thể tài, đa dạng về loại hình văn bản (in, chép tay, hợp tập, tuyển tập…; kể cả một số văn bản gốc của văn bài thi thi Hội và thi Đình cuối triều Nguyễn.

***2.1.1. Văn bản văn bài thi Hội triều Nguyễn***

Qua khảo sát, thống kê, hệ thống văn bản này tập trung trong mấy loại hình sau: *Hợp tập văn bài bao quát nhiều khoa thi với nhiều trường thi, tuyển tập văn bài bao quát nhiều trường thi theo đơn vị từng khoa thi, tuyển tập văn bài thi Hội theo thể văn, các văn bản tản mát.*

***2.1.2. Văn bản văn bài thi Đình triều Nguyễn***

Qua khảo sát, thống kê, hệ thống văn bản này tập trung trong mấy loại hình sau: *Tuyển văn bài thi Đình triều Nguyễn bao quát nhiều khoa thi, tuyển văn bài thi Đình theo đơn vị từng khoa thi, các văn bản tản mát.*

***2.1.3. Nhận xét chung về tình hình văn bản hệ thống văn bài thi Hội, thi Đình triều Nguyễn***

Theo khảo sát chủ yếu ở các cơ quan lưu trữ tại Hà Nội (Viện nghiên cứu Hán Nôm, Thư viện Quốc gia, Viện Văn học…) cùng một số tư liệu cá nhân, hiện đã sơ bộ xác nhận trữ lượng văn bản văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn (bao gồm thi Hội, thi Đình) lên tới hàng trăm đơn vị văn bài (cụ thể theo thống kê của chúng tôi, văn bài thi Hội còn **187** bài kinh nghĩa; **55** bài thơ; **65** bài phú; **161** bài chế, chiếu, biểu, luận, tấu sớ; **215** bài văn sách. Thi Đình còn **85** bài văn sách Đình đối). Trong số đó, đa phần là còn đủ bài, một số là trích đoạn. Văn bài khoa cử triều Nguyễn còn lại so với các triều trước không chỉ vượt trội về số lượng mà còn bao quát và phong phú hơn nhiều về chủng loại. Tuy số lượng văn bản còn lại rất phong phú nhưng lại khá phức tạp, linh tán. Trong số này, hệ thống văn bản in *Hội Đình văn tuyển* theo từng khoa là có niên đại sớm và độ tin cậy cao nhất. Dù vậy, qua khảo sát tổng thể và cụ thể, những văn bản còn lại không có nhiều sai lệch về mặt nội dung. Đối chiếu các văn bản, không tránh được những xuất nhập chỗ này chỗ khác, nhưng cơ bản là thống nhất về nội dung giữa các truyền bản, cho thấy độ tin cậy của tư liệu là tương đối chắc chắn.

**2.2. Khái quát về thể chế và văn thể thi Hội, thi Đình triều Nguyễn**

***2.2.1. Xác lập thể chế thi Hội, thi Đình triều Nguyễn***

Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) mở khoa thi Hội đầu tiên, triều Nguyễn bắt đầu lấy đỗ Tiến sĩ từ năm này. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) bắt đầu định lệ ba năm một lần thi, thi Hương vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu; thi Hội vào các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi theo điển chế Minh – Thanh. Kể từ đó, triều Nguyễn theo lệ ấy mở đều đặn các khoa thi cho đến khoa thi cuối cùng. Thi Hội 會試 là kỳ thi cấp trung ương, được tổ chức tại kinh đô do Bộ Lễ chủ trì. Đỗ thi Hội gọi là trúng cách, không có học vị mà chỉ có tư cách tham dự thi Đình để lấy học vị Tiến sĩ. Thi Đìnhlà cấp thi cuối cùng, cao nhất trong khoa thi Tiến sĩ, được tổ chức tại cung điện nhà vua do đích thân vua làm chủ khảo. Người được dự thi Đình là những người đã trúng cách thi Hội. Thi Đình nhằm chính thức ban học vị đại khoa và sắp xếp thứ bậc các Tiến sĩ. Từ năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) quy định lấy thêm học vị Phó bảng trên cơ sở kết quả thi Hội (Phó bảng không được dự thi Đình). Như vậy, kết quả thi Hội sẽ có hai hạng: Hạng Trúng cách (hạng này chưa đạt học vị gì, nhưng có tư cách được thi Đình để đạt học vị Tiến sĩ) và hạng Phó bảng (Phó bảng là học vị, được xuất thân, được tính là đại khoa nhưng ân vinh và bổ nhiệm thấp hơn so với Tiến sĩ, và sẽ không được dự thi nữa). Đến thời Tự Đức thì lại căn cứ trên kết quả thi Đình để lấy Tiến sĩ và Phó bảng.

***2.2.2. Khái quát về văn thể thi Hội, thi Đình triều Nguyễn***

*2.2.2.1. Văn thể thi Hội triều Nguyễn*

Trước cải lương khoa cử từ năm 1909, cơ bản văn thể khoa cử triều Nguyễn vẫn nằm trong phạm vi “tứ trường văn thể 四場文體” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”) truyền thống đã định hình từ trước, tuy ở phần tế vi có những thêm bớt, xuất nhập. Diễn trình vận động văn thể thi Hội triều Nguyễn có thể phân ra ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất từ văn thể tứ trường sang văn thể tam trường với điển phạm truyền thống và sự hướng theo mô hình Trung Hoa (triều Minh Mệnh, Thiệu Trị). Giai đoạn thứ hai trở lại văn thể tứ trường với nhiều biến động, cải cách (triều Tự Đức đến Thành Thái). Giai đoạn thứ ba cải lương khoa cử (1909 – 1919) với những thay đổi cả về thể chế, văn thể và nội dung thi cử (triều Duy Tân, Khải Định).

*2.2.2.2. Văn thể thi Đình triều Nguyễn*

Văn thể thi Đình trước sau không thay đổi, chỉ dùng văn sách chữ Hán, thi một bài Chế sách.

***2.2.3. Văn thể khoa cử từ góc nhìn tiêu chí tuyển chọn nhân tài***

Khoa cử đặt ra là để tuyển quan, chọn lựa đội ngũ thừa hành công việc trong chính thể chuyên chế. Vì vậy, các yêu cầu cần có của người làm quan trong chính thể ấy sẽ là căn cứ cho những công cụ, phương thức cũng như xác lập những tiêu chí cần thiết để tuyển dụng.

Người làm quan cần trung thành với nhà vua và tuân phục chế độ, nắm giữ đại thể. Cái “thông tài 通才” (tài năng bao quát) của người làm quan đặt trên cơ sở một nền tảng văn hóa và học vấn phổ quát về trị đạo, có thể đảm nhiệm bất cứ một chức trách gì khi được điều động. Có thể xem, tứ trường văn thể là biểu trưng cho “văn chương” có đủ những tiêu chí cần thiết để tuyển sĩ theo yêu cầu. Người làm quan theo thể chế Nho giáo tất yếu phải thông kinh điển Nho giáo (kinh nghĩa); phải có tài văn chương để giáo hóa, để tuyên truyền, để thù phụng… trong môi trường văn hóa đương thời (thơ, phú); phải có khả năng soạn thảo các văn bản hành chính trong việc quan (chiếu, chế, biểu); phải có kinh nghiệm trị lý và lịch duyệt thời thế, ít nhiều có tố chất và mưu lược chính trị (văn sách). Hợp bốn trường văn thể có thể tìm ra những ứng viên đủ năng lực minh kinh, năng văn để bổ sung vào bộ máy. Xét về phương diện thí pháp, những văn thể này có những tiêu chí cần thiết và tương đối rõ ràng mang tính khả thi để khảo tuyển.

**Tiểu kết Chương 2**

Do khoảng cách thời gian còn gần nên những tư liệu, đặc biệt là hệ thống văn bài khoa cử đại khoa của triều Nguyễn hiện còn lưu trữ là phong phú và đầy đủ so với các triều đại trước đó, đủ để có thể triển khai những nghiên cứu mang tính toàn diện và hệ thống.

Thi Hội và thi Đình triều Nguyễn được tổ chức với thể chế chặt chẽ, cơ bản kế thừa thể thức khoa cử đại khoa truyền thống những cũng có nhiều điểm đặc thù.Văn thể khoa cử cơ bản vẫn được định hình bằng văn thể tứ trường (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”) truyền thống, nhưng lại có những cải cách nhất định. Tứ trường văn thể được coi là công cụ phù hợp cho việc tuyển quan theo những tiêu chí của chế độ quan liêu trong thể chế chuyên chế.

**Chương 3**

**TRƯỜNG KINH NGHĨA VÀ TRƯỜNG VĂN SÁCH**

Kinh nghĩa và văn sách là hai thể văn tương đối chuyên biệt dùng trong khoa cử, mỗi thể văn được tổ chức trong một trường thi. Trong khoa cử Việt Nam, thi Hương và thi Hội thông thường trường kinh nghĩa ở trường đầu còn trường văn sách ở trường cuối. Trường đầu có ý nghĩa quan trọng là “đầu vào” còn trường cuối có ý nghĩa quyết định đỗ hay trượt.

**3.1. Trường kinh nghĩa**

***3.1.1. Kinh nghĩa trong thi Hội triều Nguyễn***

*3.1.1.1.Hệ thống đề thi kinh nghĩa trong thi Hội triều Nguyễn*

Qua khảo sát trong điều kiện tư liệu hiện còn, hiện có 27 khoa thi Hội triều Nguyễn còn đề bài thi kinh nghĩa, với 163 đề bài thi, trong đó có một số khoa tuy còn đề nhưng không đầy đủ, một số khoa thì đã thất tán hoàn toàn.

*3.1.1.2. Thể văn Học quy*

Trình thức Học quy được ban hành vào năm Gia Long thứ tư (1805) [199] và có lẽ được thực thi suốt trong khoa cử thời Gia Long và đầu Minh Mệnh, trước khi được thay thế hoàn toàn bằng trình thức Bát cổ từ khoa thi Hương năm Minh Mệnh 15 (1834).

*3.1.1.3. Thể văn Bát cổ*

Từ năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) trở về sau, trường kinh nghĩa trong khoa cử triều Nguyễn được quy định là tuân thủ theo trình thức bát cổ. Do vậy, có thể nói rằng tuyệt đại đa số văn kinh nghĩa triều Nguyễn là được viết bằng thể văn bát cổ. Văn thể bát cổ được xác lập và thực thi trong khoa cử bắt đầu từ triều Minh, “văn thể đại lược phỏng theo kinh nghĩa của triều Tống, nhưng thay ngữ khí của cổ nhân viết ra, thể dụng đối ngẫu, gọi là Bát cổ八股, thông dụng gọi là *Chế nghĩa* 制義” (*Minh sử*), với tiêu chuẩn đánh giá là “*thanh chân nhã chính, lý pháp kiêm bị*” (Thanh chân nhã chính, lý pháp gồm đủ).

***3.1.2. Vấn đề rèn tập kinh nghĩa trong khoa cử triều Nguyễn***

Việc rèn tập văn thể kinh nghĩa gắn với việc học tập kinh điển trong một quá trình lâu dài. Để có thể làm được văn bài kinh nghĩa, trước hết người học phải thuộc lòng kinh văn và nghĩa lý kinh văn theo những chú giải quan phương được khâm định, đồng thời phải tham cứu rộng chú sớ thuyết giải của các nhà theo hệ chú giải quan phương. Rèn tập văn bài phải trên cơ sở nghiên tinh các tài liệu nhập môn và các sách lý luận về văn thể kết hợp với việc học tập văn bài mẫu và giảng tập thường xuyên liên tục các dạng đề bài cũng như đọc rộng văn chương các nhà.

***3.1.3. Công dụng của trường kinh nghĩa trong khoa cử***

Trong thể chế chuyên chế lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, việc chọn người làm quan thừa hành trong bộ máy quản lý nhà nước đương nhiên phải lấy Nho giáo làm trung tâm, mà hạt nhân truyền tải Nho giáo không gì khác ngoài kinh điển Nho gia, là chỗ hội tụ tinh thần tâm thuật của thánh nhân để hiện bày Đạo bằng văn từ. Văn kinh nghĩa là thứ văn phụ dực cho văn chương thánh nhân (Kinh), làm sáng tỏ Kinh để thể hội vào Đạo. Đây là yêu cầu có tính chất nền tảng cho những tố chất cần phải có của một người làm quan trong chế độ quân chủ chuyên chế lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng. Yêu cầu này sẽ được kiểm tra qua nhiều cấp độ: thuộc kinh, tinh tường kinh nghĩa theo chú giải quan phương, trầm tiềm nghĩa lý, thể hội nghĩa lý, tưới tắm đạo lý thánh hiền vào thân tâm để có thể hóa thân vào cảnh giới thánh hiền, tư duy và năng lực văn chương. Đồng thời, về phương diện công cụ thi cũng phải đảm bảo tính khả thi, tính tiêu chuẩn và có căn cứ.

**3.2. Trường văn sách**

***3.2.1. Thể thức văn sách đạo trong thi Hội triều Nguyễn***

Thi Hội triều Nguyễn định chế thi trường văn sách theo hai hình thức, văn sách trường thiên (một bài) và văn sách đạo (nhiều bài). Văn sách trường thiên được định chế thi từ khai khoa thi Hội năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) cho đến khoa thi Hương năm Tự Đức thứ 11 (1858) và khoa thi Hội năm Tự Đức thứ 15 (1862) thì chuyển sang thi văn sách đạo. Hình thức thi này kéo dài cho đến năm Tự Đức thứ 27 (1874) thì vua bãi bỏ, trở về định chế văn sách trường thiên cũ, áp dụng từ khoa thi Hội năm Tự Đức thứ 28 (1875) và khoa thi Hương năm Tự Đức 29 (1876). Cho đến cải lương khoa cử bắt đầu từ năm 1909 lại thiết lập hình thức thi văn sách đạo, cho đến kết thúc chế độ khoa cử.

Thi bằng hình thức văn sách đạo mỗi trường ra nhiều đạo văn sách về các chủ đề kinh, sử, thời vụ…Đề văn sách đạo tương đối đơn giản, mỗi đạo văn sách chủ một nội dung. Các câu hỏi đặt ra một cách trực tiếp, đơn giản. Nội dung đặt ra, kinh truyện thì chuyên chủ về những vấn đề có tính chất kinh học và nghĩa kinh ý truyện. Thi kinh truyện trong trường văn sách khác với trường kinh nghĩa. Trường kinh nghĩa là xiển phát những trích đoạn kinh điển theo những chú giải quan phương. Trường văn sách thì tập trung vào những vấn đề kinh học, như những vấn đề kinh nghi, biện luận đắc thất đồng dị của các nhà, tổng quát kinh nghĩa…Nội dung sử thì bao quát những vấn đề về sử học, về nhân vật và sự kiên lịch sử, chính thể các đời, phân tích nghĩa lý và bài học…; về thời vụ thì tập trung vào một số vấn đề cấp thiết đương thời, nhận định và nêu phương thức ứng phó, chẳng hạn vấn đề nghịch phỉ ở Bắc kỳ, vấn đề Gia Tô giáo… Văn sách đạo trong cải lương khoa cử lại là một cải cách trong điều kiện khác. Trường kinh nghĩa bị bãi bỏ, kinh truyện chỉ được coi là môn học trong học hiệu thuộc phạm trù đạo đức và văn chương, bên cạnh đó, bổ sung một loạt tri thức mới phù hợp với thời cận đại như cách trí, địa dư, nam sử, sử Thái tây…Do giáo dục mang tính phân môn nên Trường văn sách lại quy định theo thể thức văn sách đạo, các đạo văn sách tương ứng với phân môn trong học hiệu.

***3.2.2. Thể thức văn sách thi Đình triều Nguyễn***

*3.2.2.1. Chế sách*

Chế sách thi Đình triều Nguyễn châm chước theo khuôn mẫu của Chế sách thi Đình triều Minh – Thanh, đại thể giống như triều Lê sơ.

*3.2.2.2. Đối sách*

Qua khảo sát đối chiếu, chúng tôi thấy rằng văn sách Đình đối các triều Minh Mệnh, Thiệu Trị có tính khuôn mẫu rất cao, với đầy đủ các đặc điểm bút pháp: văn từ mỹ lệ, điển nhã, dùng điển và dẫn kinh nhuần nhuyễn. Văn sách Đình đối từ triều Tự Đức về sau, về mặt bút pháp có những thay đổi nhất định. Bài văn sách Đình đối, tuy vẫn tuân theo cấu trúc cũ nhưng đòi hỏi cao ở nội dung, ý tưởng. Tính chặt chẽ trong nghị luận và tính hữu dụng, thực tế trong các kế sách, luận thuyết được đưa lên hàng đầu.

***3.2.3. Vấn đề rèn tập văn sách trong khoa cử triều Nguyễn***

Trường văn sách đòi hỏi “thông tài”, thế nên tất thảy những nội dung rèn tập cho các văn thể khác đều có thể sử dụng cho trường văn sách, nói cách khác là việc rèn tập các thể văn trong khoa cử là không đơn độc tách biệt mà đều có quan hệ tương hỗ trong tổng thể. Những kiến thức và kỹ năng rèn tập các trường kinh nghĩa, thơ phú, tứ lục đều có thể sử dụng cho văn sách và ngược lại. Tuy vậy, từng chuyên thể lại có những tài liệu cần thiết phục vụ khác nhau. Với trường văn sách, các tài liệu quan yếu là kinh, sử, tính lý và các tài liệu thuộc phạm trù Sách học策學, các văn bài sách văn mẫu.

***3.2.4. Công dụng của trường văn sách trong khoa cử***

Trong các thể văn khoa cử, văn sách là khó nhất và có tính thiết thực nhất, được coi là “văn chương kinh thế”, có tác dụng đánh giá tương đối trực tiếp tố chất và năng lực chính trị của người dự tuyển. Nó đòi hỏi người viết không chỉ có kiến thức rộng rãi về nhiều vấn đề, phải “bác cổ thông kim” mà còn phải có kiến giải riêng của mình, phải dâng hiến được kế sách chính trị. Cũng như Luận, văn sách cần cả ba yếu tố Tài才, Học學, Thức識. Không có Học thì học vấn không rộng, không có Thức thì kiến thức không cao, không có Tài thì văn chương không già. Hợp cả “tam trường三長” ngõ hầu mới làm được xuất sắc văn sách.

**Tiểu kết Chương 3**

Kinh nghĩa và văn sách là hai thể văn tương đối chuyên biệt dùng trong khoa cử, cũng là hai trường thi có vị trí quan trọng trong khoa trường, vì nó có tính chất quyết định có được tiếp tục tham gia khoa cử nữa hay không (kinh nghĩa) và đỗ hay trượt (văn sách). Trường kinh nghĩa để kiểm tra mức độ thông hiểu và thể nhập nghĩa lý kinh điển Nho gia của người dự thi; trường văn sách nhằm kiểm tra học thức bác cổ thông kim và tố chất chính trị của người dự thi. Đây là những tố chất và học vấn căn bản cần có của người tương lai sẽ xuất chính, tham gia vào bộ máy quan liêu trong chính thể chuyên chế lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng.

**Chương 4**

**TRƯỜNG THƠ PHÚ VÀ TRƯỜNG “TỨ LỤC”**

Thơ phú và “tứ lục” là những văn thể không mang tính chuyên biệt dành riêng cho khoa cử, mà là văn thể thông dụng được khoa cử lựa chọn, sử dụng và có những quy định cho phù hợp để làm công cụ tuyển chọn nhân tài theo những yêu cầu của thể chế đặt ra. Thơ phú đánh giá năng lực từ chương, tài hoa khí chất của người dự thi; văn tứ lục nhằm kiểm tra khả năng soạn thảo các văn bản hành chính quan phương theo những tiêu chí nội dung và hình thức nhất định.

**4.1. Trường thơ phú**

***4.1.1. Thơ trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.1.1.1 Hệ thống đề thi thơ trong thi Hội triều Nguyễn*

Trong điều kiện tư liệu hiện tại, qua khảo sát, chúng tôi đã tìm được tổng cộng 30 đề thơ thi Hội cho 30 khoa trên tổng số 35 khoa thi Hội triều Nguyễn có thi thơ, trải từ khoa Minh Mệnh thứ ba (1822) đến khoa Thành Thái thứ 16 (1904). Thơ trong thi Hội triều Nguyễn quy định làm theo thể ngũ ngôn bài luật 五言排律 sáu vần hoặc tám vần. Định chế này phù hợp với phép thi thơ trong khoa cử Trung Quốc đời Đường và đời Thanh. Với 30 đề cho 30 khoa thi hiện còn, có 5 đề thuộc về Kim văn tức là những nội dung chính trị và sự việc đương thời; có chín đề xuất xứ từ Kinh; có 04 đề có xuất xứ từ Sử; có 4 đề xuất xứ từ Tử; có 7 đề xuất xứ từ Tập, trong số này thì có 05 đề dẫn thi cú làm đề, 01 đề dẫn văn cú làm đề, 1 đề dùng điển cố; 01 đề lấy cảnh vật làm đề. Như vậy, xét trên tổng thể, tuy số đề xuất xứ từ kinh và sử vẫn chiếm một tỷ trọng tương đối (13/30) nhưng không còn là chủ đạo như triều Lê trung hưng trước, mà nhường chỗ cho những dạng đề khác, như thi cú, văn cú, điển cố, tử thư, vịnh cảnh…đặc biệt là dùng kim văn ra đề thơ.

*4.1.1.2. Thể thức thơ thi Hội triều Nguyễn*

Trên cơ sở lý luận của tiền nhân, khảo sát trực tiếp và cụ thể điển chế và hệ thống văn bài thơ thi Hội triều Nguyễn, đúc kết những tiêu chí để tiếp cận, thẩm bình, luận án khảo sát trên mấy phương diện: *Biện thể, thẩm đề, lập ý, áp vận, chương pháp, trác cú, dụng điển*.

***4.1.2. Phú trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.1.2.1. Hệ thống đề thi phú trong thi Hội triều Nguyễn*

Trong điều kiện tư liệu hiện tại, qua khảo sát, chúng tôi đã tìm được tổng cộng 28 đề phú thi Hội cho 28 khoa trên tổng số 35 khoa thi Hội triều Nguyễn có thi phú, trải từ khoa Minh Mệnh thứ 13 (1822) đến khoa Thành Thái thứ 16 (1904). Đề phú trong thi Hội triều Nguyễn có xu hướng đa dạng hóa về mặt nội dung cũng như xuất xứ. Xét về xuất xứ, khảo sát 28 đề thi phú hiện còn có 13 đề xuất xứ từ Kinh; 5 đề xuất xứ từ Sử, 2 đề xuất xứ từ Tử, 1 đề xuất xứ từ Tập, 2 đề Thành ngữ và 5 đề Kim văn. Như vậy, nguồn xuất xứ thực sự đa dạng, đủ cả kinh sử tử tập, ngoại thư, thành ngữ, đặc biệt có tới 5 đề Kim văn về những chủ đề chính trị và thời sự đương thời. Nếu theo cách phân loại nội dung phú truyền thống, các đề phú thi Hội triều Nguyễn có một phổ nội dung rất rộng: *Thiên tượng; Địa lý; Trị đạo; Tính đạo; Điển lễ ; Văn học; Vũ công; Thời chính ; Điền liệp; Du hý; Cung thất; Vật loại ; Điển tích.*

* + - 1. *Thể thức phú thi Hội triều Nguyễn*

Trên cơ sở lý luận của tiền nhân, khảo sát trực tiếp và cụ thể điển chế và hệ thống văn bài phú thi Hội triều Nguyễn, đúc kết những tiêu chí để tiếp cận, thẩm bình, luận án khảo sát trên mấy phương diện: *Biện thể, Thẩm đề, Lập cục, Lập ý, Tán từ, Áp vận.*

* + 1. ***Vấn đề rèn tập thơ phú trong khoa cử triều Nguyễn***

Với văn thể gần với sáng tác nghệ thuật như thơ, phú, việc luyện rèn khó khăn hai tầng vì ngoài tính chất kỹ pháp làm văn theo mô thức và kiến thức tương quan thiết yếu ai cũng có, thì để vượt lên, người làm bài phải thực sự có tài hoa và tư duy nghệ thuật để có thể “sáng tác nghệ thuật trong những quy phạm làm văn” bị hạn chế cả về thời gian và những quy ước. Cần phải tích lũy, rèn tập cả về kiến thức và kỹ pháp qua nghiên tinh các văn thức, văn tuyển; nắm chắc các phương diện kỹ pháp, lý luận về văn thể để làm mực thước về phương diện lý thuyết. Cuối cùng là bắt tay vào rèn tập thường xuyên trong nhà trường và tự học với những dạng đề và yêu cầu khác nhau.

* + 1. ***Công dụng của trường thơ phú trong khoa cử***

Thơ để tỏ chí hàm tình, phú để tán lời phô việc, mà đều phải bác văn cường ký, từ tảo hoa lệ mới làm được thơ, được phú. Qua thơ phú thấy được tinh thần, tâm thuật, khí cách, tu dưỡng văn hóa và tài hoa của người viết, ứng với những yêu cầu thực dụng trong chính sự, lễ nghi, ngoại giao, giáo hóa cần có của văn thần trong thể chế và môi trường văn hóa đương thời, đó là những lý do để xác lập thơ phú là những văn thể cần thiết trong khoa cử, cũng như là tiêu chí đánh giá để tuyển quan trong khoa trường. Hơn nữa, xét trên phương diện thí pháp, là một công cụ để thi tuyển thì thơ phú có những tiêu chí rõ ràng (quy củ chuẩn thằng, thanh luật đối ngẫu) có thể căn cứ để quyết định cao thấp, đỗ trượt rõ hơn những văn thể khác.

**4.2 .Trường “tứ lục”**

“Tứ lục” 四六 là một thuật ngữ cũ để chỉ văn biền ngẫu, câu biền ngẫu đặc trưng là bốn - sáu, nên dùng thuật ngữ “tứ lục” để chỉ. Trong khoa cử, trường tứ lục là một thuật ngữ có tính chất khái quát, để chỉ trường thi các thể văn hành chính (chiếu 詔, chế 制, biểu 表...), thông thường được quy định viết theo lối biền ngẫu cận thể, nên gọi chung là “trường tứ lục”. Thực chất thì trong trường thi này, tùy theo quy định của từng triều đại và từng thời kỳ sẽ thi một số thể thức văn chương quan dụng, và cũng không hẳn đều là biền văn, cho nên cách gọi “tứ lục” chỉ là một cách gọi thông dụng theo truyền thống, chứ không phải là một khái niệm có nội hàm nghiêm ngặt. Trong khoa cử triều Nguyễn, Trường “tứ lục” bao gồm các thể văn chiếu, chế, biểu, luận.

***4.2.1. Chiếu trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.2.1.1. Hệ thống đề thi chiếu trong thi Hội triều Nguyễn*

Trong tình hình tư liệu hiện tại, chúng tôi đã tập hợp được 22 đề mục chiếu trong thi Hội triều Nguyễn cho 22 khoa trên tổng số 28 khoa thi Hội có thi chiếu, chế, biểu, luận trong khoa cử triều Nguyễn, từ khoa Minh Mệnh thứ ba (1322) đến khoa Duy Tân thứ bảy (1913), bao gồm các loại: Chiếu cáo chính lệnh; chiếu lệnh sức; chiếu dụ quần thần*;* chiếu chuẩn lệnh; chiếu xá thiên hạ; chiếu cầu hiền; chiếu vấn chính. Trong số 22 đề với 7 loại nói trên, đề Cổ văn có 7/22 đề, đề Kim văn có 15/22 đề.

*4.2.1.2. Thể thức chiếu trong thi Hội triều Nguyễn*

Chiếu thi Hội triều Nguyễn dùng thể thức cận thể và thể thức cổ thể, tùy theo yêu cầu của đề. Mỗi thể thức có đặc điểm riêng biệt.

***4.2.2. Chế trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.2.2.1. Hệ thống đề thi chế trong thi Hội triều Nguyễn*

Trong các văn thể của thi Hội triều Nguyễn, thể Chế là có số lượng ít nhất và được thực thi trong thời gian ngắn nhất, chỉ qua bốn khoa đầu Minh Mệnh (Minh mệnh 3 (1822), Minh Mệnh 7 (1826), Minh Mệnh 10 (1829) , Minh Mệnh 13 (1832)). Về tài liệu, hiện chỉ còn biết đến ba đề Chế vào các năm Minh Mệnh 3, 10, 13. Cả ba đề đều thuộc cổ văn, thuộc loại hình chế mệnh phong chức quan phỏng thời Hán, Tống.

*4.2.2.2. Thể thức chế trong thi Hội triều Nguyễn*

Chế tuân thủ theo thể thức tứ lục cận thể một cách chặt chẽ.

***4.2.3. Biểu trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.2.3.1. Hệ thống đề thi biểu trong thi Hội triều Nguyễn*

Trong điều kiện tư liệu hiện còn, chúng tôi tập hợp được 23 đề/ 28 khoa thi Hội có thi biểu, từ khoa Minh Mệnh 3 (1822) đến khoa Khải Định 4 (1919). Về nội dung, có 14 đề kim văn, 9 đề cổ văn (4 nghĩ Đường, 4 nghĩ Tống và 1 đề đặc thù). Hạ biểu có 13 đề, Tạ biểu có 3 đề, Trần thỉnh biểu có 7 đề.

*4.2.3.2. Thể thức biểu trong thi Hội triều Nguyễn*

Biểu tuân thủ theo thể thức tứ lục cận thể một cách chặt chẽ, chia thành ba loại lớn là *Hạ biểu, Tạ biểu* và *Tiến biểu*. Mỗi loại thể thức đại lược có xuất nhập trên cái khung cơ bản tương đồng.

***4.2.4. Luận trong thi Hội triều Nguyễn***

*4.2.4.1. Hệ thống đề thi luận trong thi Hội triều Nguyễn*

Hiện tại, qua khảo sát của chúng tôi, hiện các tài liệu còn lưu trữ được 19 đề luận Hán văn, 7 đề luận quốc ngữ cùng 59 bài luận (33 bài luận Hán văn, 26 bài luận quốc ngữ) của 20 khoa thi Hội triều Nguyễn, liên tiếp từ khoa Tự Đức năm 6 (1853) mở đầu dùng luận trong thi Hội đến khoa thi cuối cùng năm Khải Định thứ 4 (1919). Trong phạm vi, luận án chỉ khảo sát bộ phận luận Hán văn. Xét về mặt nội dung các đề luận Hán văn, 11/19 đề luận là các trích dẫn trong kinh, sử, cổ tịch, còn lại là các chủ đề bao quát được đặt ra, bao gồm Chính luận, Kinh luận, Sử luận, Văn luận.

*4.2.4.2. Thể thức luận trong thi Hội triều Nguyễn*

Khảo sát thực tế thể thức bài thi luận Hán văn trong thi Hội triều Nguyễn, luận án tiếp cận trên bốn vấn đề có tính tiêu chí: *Nhận đề, Lập thuyết, Định cục, Tạo ngữ.*

***4.2.5. Vấn đề rèn tập văn tứ lục trong khoa cử triều Nguyễn***

Luận án khảo sát việc rèn tập qua ba phương diện cốt yếu: Thứ nhất là hệ thống văn bài mẫu quan phương và các tư liệu liên quan. Thứ hai là lý luận về kỹ pháp viết văn. Thứ ba là sự rèn tập thực tế trong quá trình ôn tập để quyết khoa.

***4.2.6. Công dụng của trường “tứ lục” trong khoa cử***

Trong văn hóa trung đại, các văn bản hành chính chức năng phải được viết dưới hình thức của một văn bản văn chương với những định chế từ chương chặt chẽ. Trường tứ lục với các văn bản hành chính có ý nghĩa kiểm tra trực tiếp khả năng soạn thảo các dạng thức văn bản hành chính quan yếu mà người làm quan bắt buộc phải sử dụng, cụ thể là đánh giá người dự thi về kiến thức và từ chương theo hướng thực dụng, để có thể soạn thảo các văn bản văn chương quan dụng với các dạng thức, nội dung và thể cách khác nhau.

**Tiểu kết Chương 4**

Trường thơ phú và Trường “tứ lục” thi những thể văn chương thông dụng nhưng được khoa cử lựa chọn theo những thể thức và yêu cầu phù hợp với khoa trường. Mỗi trường thi thi một số thể văn. Trường thơ phú chủ yếu nhằm kiểm tra tài hoa và năng lực từ chương, thuộc loại hình văn chương nghệ thuật; trường tứ lục nhằm kiểm tra kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính quan dụng, thuộc loại hình văn chương từ hàn. Đây cũng là những kiến thức, kỹ năng cần có của người làm quan.

**KẾT LUẬN**

1. Giáo dục và khoa cử Nho học triều Nguyễn được đánh giá là thịnh đạt và có nhiều thành tựu trong lịch sử giáo dục và khoa cử Nho học Việt Nam. Triều Nguyễn là một triều đại có nhiều biến động, tình hình đó phổ vào giáo dục và khoa cử mà văn bài khoa cử đại khoa là một dạng “sản phẩm” của nền giáo dục khoa cử đó. So với các triều đại trước, nó nằm trong chỉnh thể nhưng mang trong mình nhiều nét đặc thù, đa dạng mà các triều trước không có. Có thể nói, văn chương khoa cử triều Nguyễn “đa sắc mầu” nhất trong lịch sử văn chương khoa cử Việt Nam. Nghiên cứu văn chương khoa cử thông qua hệ thống văn bài khoa cử đại khoa triều Nguyễn cũng là nghiên cứu trường hợp điển hình của văn chương khoa cử. Do khoảng cách thời gian còn gần nên những tư liệu, đặc biệt là hệ thống văn bài khoa cử đại khoa của triều Nguyễn hiện còn lưu trữ là phong phú và đầy đủ (cả về số khoa thi và văn thể trường thi) so với các triều đại trước đó, đủ để có thể triển khai những nghiên cứu mang tính toàn diện và hệ thống.

2. Văn thể khoa cử đại khoa triều Nguyễn nói riêng cũng như khoa cử Việt Nam nói chung cơ bản tương đối ổn định với “tứ trường văn thể” (kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, “tứ lục”). Văn thể bốn trường này bao quát hầu khắp các văn thể đã từng xuất hiện và sử dụng trong lịch sử khoa cử. Đó là các văn thể qua quá trình được các triều đại đúc kết, lựa chọn vì tính phù hợp. Có thể xem, tứ trường văn thể là biểu trưng cho “văn chương” có đủ những tiêu chí cần thiết để tuyển sĩ theo yêu cầu của thể chế. Người làm quan theo thể chế Nho giáo tất yếu phải thông kinh điển Nho giáo (kinh nghĩa); phải có tài văn chương để giáo hóa, để tuyên truyền, để thù phụng… trong môi trường văn hóa đương thời (thơ phú); phải có khả năng soạn thảo các văn bản hành chính trong việc quan (chiếu, chế, biểu…); phải có kinh nghiệm cai trị và lịch duyệt thời thế, ít nhiều có tố chất và mưu lược chính trị (văn sách). Trường kinh nghĩa nhằm kiểm tra khả năng thông hiểu kinh điển, thấm nhuần nghĩa lý thánh kinh hiền truyện vào thân tâm, làm nền tảng cho trị đạo của người làm quan Nho giáo. Trường văn sách nhằm kiểm tra học thức thông kim bác cổ và mưu lược chính trị. Nó đòi hỏi người viết không chỉ có kiến thức rộng rãi về nhiều vấn đề, phải “bác cổ thông kim” mà còn phải có kiến giải riêng của mình, phải dâng hiến được kế sách chính trị. Trường thơ phú nhằm kiểm tra năng lực từ chương nghệ thuật, tài tứ cao diệu, ngõ hầu có thể đem văn chương mà thi hành ra thực dụng. Trường tứ lục đòi hỏi khả năng từ chương thực dụng để soạn thảo các văn bản hành chính quan phương, cũng để kiểm tra học vấn rộng rãi, văn khí đường hoàng, tư duy mạch lạc, ngõ hầu đảm đương được công việc từ hàn. Xét về phương diện thí pháp, những văn thể này có những tiêu chí cần thiết và tương đối rõ ràng mang tính khả thi để tuyển chọn. Nó có những yêu cầu về nội dung và trình thức để có căn cứ chấm bài, lấy đỗ hay đánh trượt, tức là sử dụng thuận tiện trong khoa trường.

3. Văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn trong diễn trình vận động có thể phân thành ba giai đoạn: Thời Minh Mệnh – Thiệu Trị; thời Tự Đức – Thành Thái và thời cải lương khoa cử (1909 – 1919). Giai đoạn thứ nhất mang tính điển phạm theo chế độ và văn thể truyền thống với sự hướng tới mô hình Trung Hoa làm chuẩn mực. Giai đoạn thứ hai, đặc biệt dưới triều Tự Đức là giai đoạn biến động với những nỗ lực cải cách, chấn hưng văn thể theo hướng thực dụng, văn chương khoa cử mang đậm tính “thời vụ”. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn cải lương, cả chế độ và văn thể khoa cử biến chuyển, hội nhập vào văn hóa cận đại, dung hội Á – Âu, tân – cựu.

4. Mọi công cụ đều có sở trường sở đoản. Thi cử để tuyển quan, xét đến cùng thì cũng vẫn chỉ là “dùng lời suông để chọn người”, chỉ có tác dụng trong mức độ của nó. Để có thể quyết khoa, người dự thi buộc phải rèn tập và buộc phải tìm tất cả những cách thức nào có lợi nhất cho việc khoa trường. Sức hấp dẫn và cạnh tranh khốc liệt của khoa trường khiến người tham gia đương nhiên phải ưu tiên số một cho việc làm cách nào để thi đỗ trước những ưu tiên khác, và những tệ đoan chốn trường thi thì không đời nào là không có. Thể chế cũng buộc phải tìm mọi cách để tận dụng ưu điểm và hạn chế tối đa tệ đoan. Tuy nhiên, với trường quy nghiêm mật, văn thể đa dạng và phương thức ra đề rộng rãi , bao quát, buộc người dự thi phải rèn tập và có tầm kiến thức và kỹ năng đến độ mới có thể đáp ứng được yêu cầu. Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt và tỷ trọng lấy đỗ rất thấp (khoảng 0,5% đỗ các hạng trên tổng số dự thi) như thể chế khoa cử thì những người có thể vượt lên để được đứng vào đội ngũ “cao khoa 高科” hẳn nhiên không phải là loại nhai văn nhá chữ, học vấn phu thiển tầm thường có thể hy vọng được.

5. Văn chương khoa cử khác với văn chương sáng tác, nó là thứ văn chương mang tính công cụ để làm bài, để kiểm tra đánh giá, chịu mọi sự chế ước ngặt nghèo của đề bài, của trường quy, của thời gian…Về văn chương, nó là công cụ để góp phần đào luyện nên tài năng văn chương chứ không phải có thể đem nó so sánh với văn chương kiệt tác. Về chính sự, nó phần nào phát hiện ra những tố chất cần có cho buổi đầu xuất chính chứ không phải là đã luyện đạt chính trường. Do vậy, khi xem xét, đánh giá văn chương khoa cử cần phải đặt vào đúng vị trí của nó. Sĩ nhân, lực lượng chính trong sáng tác văn học nói riêng cũng như trước tác nên di sản Hán Nôm nói chung, cho dù đỗ hay không đỗ, cũng đa phần được đào luyện qua giáo dục khoa cử. Nói một cách khác, giáo dục khoa cử là một trong những nhân tố quan trọng có tính nền tảng làm nên học vấn và kỹ năng của lực lượng trước tác Hán Nôm. Do vậy, việc hiểu đúng, hiểu sâu văn chương khoa cử cũng sẽ góp phần quan trọng cho việc hiểu đúng, hiểu sâu di sản Hán Nôm.

6. Nghiên cứu văn chương khoa cử Việt Nam là một mảnh đất còn tương đối hoang sơ, cho đến nay vẫn rất ít công trình tiếp cận. Luận án đặt điểm nhìn từ văn chương khoa cử đại khoa triều Nguyễn cũng là nghiên cứu trường hợp điển hình của văn chương khoa cử nói chung. Đây chỉ là những khai phá bước đầu một cách tương đối bao quát. Tiếp theo cần phải có nhiều công trình “thâm canh” và “chuyên canh” hơn nữa với nhiều hướng tiếp cận cho lĩnh vực khó nhưng hứa hẹn nhiều kết quả hữu ích này.